

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Xu hướng giằng co vẫn chiếm vị thế chủ đạo trong ngày hôm nay. VN-Index kết phiên tại mốc 1,596.86 điểm, tăng gần 12 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bảo hiểm, Xây dựng và vật liệu,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và UPCOM, mua ròng trên sàn HNX. VN-Index vẫn tiến lên các vùng đỉnh mới nhưng với tâm thế giằng co. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 11/08/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+11.91** điểm, đóng cửa tại **1596.86** điểm. HNX-Index **+4.00** điểm, đóng cửa tại **276.46** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+2.00)**, **GVR (+1.98)**, **MBB (+1.84)**, **VCB (+1.17)**, **SSI (+0.97)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.33)**, **VHM (-1.22)**, **VRE (-0.34)**, **BSR (-0.25)**, **CTG (-0.25)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **44,350** tỷ đồng, giảm **-7.54%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 45,294 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 16.84 điểm. Thị trường có **228** mã tăng, 55 mã tham chiếu, **97** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-621.61** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-192.98 tỷ)**, **FPT (-122.92 tỷ)**, **GEX (-102.13 tỷ)**, **DGC (-68.40 tỷ)**, **DPM (-61.84 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **21.61** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.85%**. Các mã diễn biến tích cực:
MSN (+6.91%) [\(Link báo cáo\)](#)
PDR (+6.57%) [\(Link báo cáo\)](#)
SSI (+5.63%)
- BSC50 **+1.16%**. Các mã diễn biến tích cực:
IDC (+7.84%)
HHV (+6.93%) [\(Link báo cáo\)](#)
VGC (+6.90%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.85%	1.16%	0.75%	0.74%
1 tuần	5.17%	3.82%	4.49%	5.36%
1 tháng	7.93%	14.80%	9.54%	9.28%
3 tháng	22.91%	27.78%	23.46%	25.97%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,596.86	276.46	109.25
% 1D	0.75%	1.47%	0.65%
GTKL (tỷ VND)	44,350	3,790	1,100
%1D	-7.54%	-25.68%	-40.73%
GDNN (tỷ VND)	-621.61	21.61	-46.64

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	120.72	HPG	-192.98
SHB	108.70	FPT	-122.92
MSN	89.49	GEX	-102.13
SSI	78.61	DGC	-68.40
VND	57.06	DPM	-61.84

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

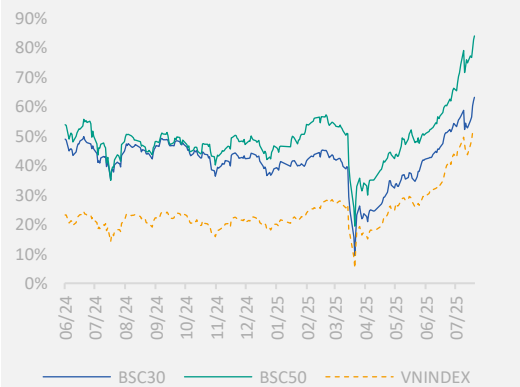
		%D	%W
SPX	6,389	0.78%	2.43%
FTSE100	9,117	0.23%	-0.13%
Eurostoxx	5,339	-0.10%	1.96%
Shanghai	3,648	0.34%	1.79%
Nikkei	41,820	1.85%	2.50%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	66.33	-0.39%
Giá vàng	3,364	-2.18%
Tỷ giá		
USD/VND	26,400	0.00%
EUR/VND	31,312	-0.12%
JPY/VND	182	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.5%	0.01%
LS LNH 1M	4.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSN	82.00	6.91%	2.00	1.52
GVR	32.60	6.54%	1.98	4.00
MBB	31.80	4.09%	1.84	6.10
VCB	62.50	0.97%	1.17	8.36
SSI	37.50	5.63%	0.97	1.97

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	49.50	7.84%	0.85	0.33
SHS	24.40	4.27%	0.62	0.89
DTK	12.50	3.31%	0.19	0.68
CEO	26.10	1.95%	0.18	0.54
KSF	67.90	1.34%	0.18	0.30

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CII	19.15	6.98%	0.19	33.18
SAM	8.89	6.98%	0.05	5.50
TNT	7.22	6.96%	0.01	0.43
HHV	14.65	6.93%	0.12	21.40
MSN	82.00	6.91%	1.87	30.24

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGT	10.00	9.89%	0.03	0.00
VNT	33.40	9.87%	0.21	0.00
AME	9.10	9.64%	0.22	0.00
QST	28.60	9.58%	0.03	0.00
DC2	7.10	9.23%	0.03	0.01

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	115.50	-1.28%	-1.33	3.88
VHM	93.50	-1.37%	-1.22	4.11
VRE	29.35	-2.17%	-0.34	2.27
BSR	22.15	-1.56%	-0.25	3.10
CTG	47.50	-0.42%	-0.25	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	37.40	-0.80%	-0.10	0.48
DNP	19.10	-4.98%	-0.09	0.14
DHT	87.00	-1.02%	-0.05	0.08
PVI	63.50	-0.31%	-0.03	0.23
KSV	168.00	-0.12%	-0.03	0.20

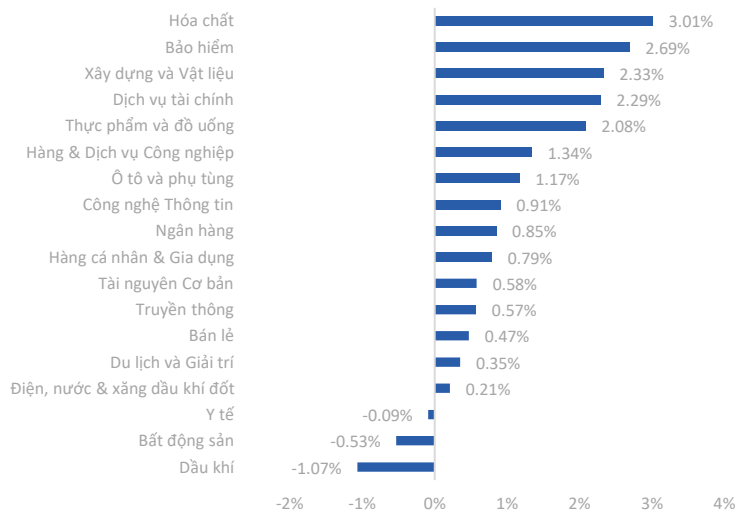
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVI	57.00	-6.86%	-0.01	0.00
TDH	5.11	-6.24%	-0.01	1.30
STG	35.50	-5.33%	-0.04	0.00
HAP	6.45	-3.59%	-0.01	0.44
LDG	5.30	-3.28%	-0.01	7.91

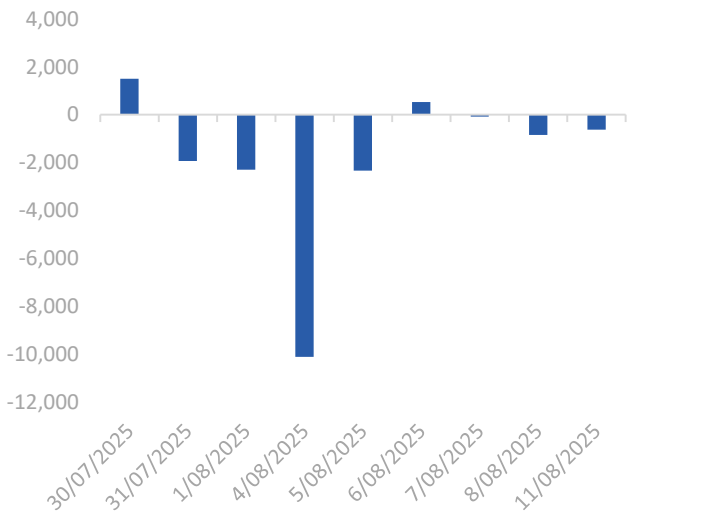
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CET	4.70	-9.62%	-0.01	0.01
PJC	27.20	-8.72%	-0.07	0.00
ECI	16.20	-6.90%	-0.01	0.00
HDA	5.10	-5.56%	-0.03	0.06
DNP	19.10	-4.98%	-0.51	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	72.1	0.1%	1.4	106,449	840.9	3,304	21.8	84,700	48.9%	Link
KBC	Bất động sản	33.5	0.6%	1.3	31,313	251.2	1,831	18.2		14.9%	
KDH	Bất động sản	32.0	1.0%	1.3	35,574	275.2	717	44.2		32.8%	
PDR	Bất động sản	22.7	6.6%	1.6	20,870	843.1	177	120.6	23,600	9.8%	Link
VHM	Bất động sản	93.5	-1.4%	1.0	389,383	421.0	6,995	13.6	81,300	10.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	106.4	0.8%	0.8	179,890	1103.7	5,092	20.7	136,500	39.1%	Link
BSR	Dầu khí	22.2	-1.6%	0.0	69,761	309.1	(16)	(1,405)		0.4%	
PVS	Dầu khí	37.4	-0.8%	1.4	18,019	288.0	2,649	14.2	38,600	12.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	28.1	0.7%	1.5	30,131	633.3	1,152	24.2		38.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	37.5	5.6%	1.4	70,001	2175.6	1,577	22.5		40.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	45.9	0.9%	1.5	32,878	664.5	1,370	33.2		28.6%	
DCM	Hóa chất	40.6	-2.3%	1.4	21,970	361.2	3,221	12.9	47,300	6.3%	Link
DGC	Hóa chất	106.3	-1.1%	1.4	40,826	317.3	8,205	13.1	109,300	14.7%	Link
ACB	Ngân hàng	24.4	0.6%	0.9	124,564	392.8	3,305	7.3	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	40.2	1.3%	1.0	278,748	458.0	3,683	10.8	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	47.5	-0.4%	1.2	256,149	428.9	5,608	8.5	50,000	26.9%	Link
HDB	Ngân hàng	27.9	-0.5%	1.2	98,036	832.3	4,094	6.9	26,400	17.5%	Link
MBB	Ngân hàng	31.8	4.1%	1.1	186,424	1531.0	4,021	7.6	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	15.4	-0.3%	1.1	40,040	333.1	1,961	7.9	14,000	28.6%	Link
STB	Ngân hàng	53.7	-0.6%	1.1	101,802	608.8	6,148	8.8		20.2%	
TCB	Ngân hàng	37.8	-0.3%	1.0	268,214	935.2	3,019	12.5	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.6	1.0%	1.2	51,122	1197.2	2,423	8.0	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	62.5	1.0%	0.9	517,216	462.1	4,148	14.9	75,700	22.0%	Link
VIB	Ngân hàng	20.3	0.3%	1.0	68,931	316.7	2,219	9.1	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.6	0.2%	1.0	234,447	1057.9	2,193	13.5	26,500	25.8%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.2	0.5%	1.3	214,913	1901.0	1,750	16.0	35,800	22.3%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	19.8	1.3%	1.4	12,109	296.2	751	26.0	16,800	9.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	31.0	0.2%	1.4	11,912	344.0	4,124	7.5	32,200	5.7%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	82.0	6.9%	1.2	110,902	2458.8	1,862	41.2	82,500	25.3%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.5	1.2%	0.7	127,069	368.5	4,101	14.8	64,500	49.0%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	47.3	3.28%	1.4	10,038	280.2	2,216	20.7	26.5%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	151.0	-0.33%	0.9	25,801	132.6	3,163	47.9	33.2%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	53.6	3.08%	1.2	38,601	83.3	3,311	15.7	27.1%	10.6%	
DIG	Bất động sản	23.4	2.41%	1.5	14,739	690.4	183	124.4	4.7%	1.5%	
DXG	Bất động sản	21.6	0.93%	1.6	21,804	505.9	353	60.6	25.8%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	36.2	0.14%	1.3	6,439	270.0	482	75.0	6.3%	3.8%	
HDG	Bất động sản	28.3	0.89%	1.4	10,359	212.7	522	53.6	17.1%	3.1%	Link
IDC	Bất động sản	49.5	7.84%	1.3	15,147	918.2	4,574	10.0	17.9%	27.3%	
NLG	Bất động sản	42.5	0.24%	1.4	16,327	150.7	1,709	24.8	49.1%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	67.0	1.98%	1.3	15,907	55.9	5,315	12.4	4.2%	28.6%	
SZC	Bất động sản	38.2	2.97%	1.1	6,668	173.8	1,978	18.7	2.4%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	25.0	0.81%	1.5	16,572	259.3	1,125	22.0	12.0%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	115.5	-1.28%	1.0	447,368	383.2	3,580	32.7	3.9%	9.9%	
VRE	Bất động sản	29.4	-2.17%	0.9	68,170	121.0	1,937	15.5	18.4%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	41.5	1.34%	1.3	8,642	66.9	1,701	24.0	36.7%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	38.0	-0.65%	1.0	48,537	88.9	1,596	23.9	16.6%	7.9%	Link
PVD	Dầu khí	23.0	0.00%	1.3	12,785	270.6	1,428	16.1	4.4%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	41.8	0.00%	1.4	14,484	321.4	1,348	31.0	26.3%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	36.5	1.11%	1.7	20,677	265.8	1,554	23.2	6.1%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	70.4	0.28%	1.1	164,456	86.8	5,152	13.6	1.9%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.1	-0.33%	1.2	35,479	161.5	624	24.3	3.1%	4.5%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.9	-0.15%	0.8	36,833	64.4	4,418	15.4	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	124.0	2.06%	0.8	71,881	275.9	3,427	35.5	7.9%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.0	-0.50%	1.5	54,415	924.0	1,745	34.6	8.1%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.9	-0.17%	1.1	24,791	258.3	3,765	15.7	39.4%	12.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.9	1.20%	1.1	9,828	187.7	5,700	10.2	6.4%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.8	-0.79%	1.2	8,905	124.3	2,304	8.2	8.9%	13.9%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	118.0	0.00%	0.0	14,370	51.6	3,339	35.3	5.1%	25.4%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	86.5	0.82%	1.1	28,992	65.4	6,129	14.0	49.0%	18.2%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	33.2	0.45%	1.0	3,697	87.9	2,693	12.3	49.9%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	22.4	4.19%	1.5	2,636	126.2	2,844	7.6	17.0%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	28.2	-0.88%	1.2	19,310	505.4	957	29.7	8.5%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	32.6	6.54%	1.3	122,400	534.6	1,320	23.2	0.7%	9.8%	
EIB	Ngân hàng	27.9	4.49%	1.2	49,735	814.4	1,783	15.0	5.3%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	35.8	1.13%	0.5	105,750	125.0	3,324	10.7	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.6	0.00%	0.0	26,679	27.2	2,260	6.9	2.0%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	13.0	-0.38%	1.0	34,620	150.1	1,130	11.5	19.7%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.8	0.90%	1.5	7,430	283.0	666	24.9	5.9%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.6	-3.10%	1.5	7,295	146.2	1,871	14.7	3.1%	16.8%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.7	1.71%	0.6	10,656	285.5	1,921	18.3	4.1%	15.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.2	0.73%	0.7	61,371	76.0	3,185	15.0	58.9%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.8	0.51%	1.2	13,131	83.0	6,372	9.2	20.1%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	140.7	-0.78%	0.8	11,608	16.7	13,894	10.2	85.7%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.2	0.73%	1.4	8,378	91.3	4,512	18.3	47.8%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	94.5	0.53%	1.2	10,752	53.5	4,928	19.1	7.2%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.8	0.00%	1.5	4,617	182.6	2,501	18.3	3.8%	12.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.7	6.93%	1.4	6,815	310.6	1,077	12.7	10.8%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	27.0	2.27%	1.2	9,442	204.9	1,179	22.4	14.9%	7.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.4	0.00%	1.3	17,034	443.3	1,241	21.2	9.2%	9.9%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	62.0	6.90%	1.4	26,004	239.5	3,343	17.4	5.9%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_ Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_ Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
3	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_ Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
8	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
9	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
10	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>